

Bản án số: 63/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 7 - 2020

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình - ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Văn Hôm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Mẫn

2. Ông Võ Minh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 185/2020/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020. Giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Ngọc Á, sinh năm: 1969; địa chỉ cư trú: Ấp Hòa Phú, xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn N, sinh năm: 1965; địa chỉ cư trú: Ấp Hòa Phú, xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Phạm Ngọc Á trình bày:*

Bà và Ông Trần Văn N kết hôn vào năm 1995 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không phù hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến mất dần tình cảm. Bà và ông N đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Bà và ông Ncó ba con chung là Trần Hồng Ngọc, sinh năm: 1996 đã trưởng thành và lập gia đình riêng, Trần Bảo Ngọc, sinh năm: 1999 (đã trưởng thành) và Trần Như Ngọc, sinh ngày: 24/3/2008 hiện đang chung sống với bà Ánh.

Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nay Bà Akhởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nam.

Về con chung: Bà Ayêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con là Trần Như Ngọc, sinh ngày: 24/3/2008, không yêu cầu ông Nphải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ông Nđã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng hết thời gian quy định vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông Nđến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông Nvẫn vắng mặt, không rõ lý do.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Bà Akhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nnên đây là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nlà bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nđã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Ntheo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: Bà Avà ông Nchung sống với nhau vào năm 1995 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Tòa án không công nhận ông, bà là vợ chồng..

- Về con chung: Bà Axác định bà và ông Ncó ba con chung là Trần Hồng Ngọc, sinh năm: 1996 đã trưởng thành và lập gia đình riêng, Trần Bảo Ngọc, sinh năm: 1999 (đã trưởng thành) và Trần Như Ngọc, sinh ngày: 24/3/2008 hiện đang chung sống với bà Ánh.

Nay Bà Ayêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con Trần Như Ngọc, sinh ngày: 24/3/2008, không yêu cầu ông Nphải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của Bà Alà có cơ sở chấp nhận - Bởi lẽ xét thấy hiện nay dưới sự chăm sóc, giáo

dục của bà Ánh, cháu Như Ngọc đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Bà Acũng có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Mặc khác tại bản tự khai ngày 10/02/2020 cháu Như Ngọc có nguyện vọng tiếp tục chung sống với bà Ánh. Xét yêu cầu nuôi con của bà Ánh, nguyện vọng của cháu Như Ngọc là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án ghi nhận. Ông Ncó quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung: Bà Akhông yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Ayêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0003283 ngày 05/5/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận Bà Phạm Ngọc Á và Ông Trần Văn N là vợ chồng.

**2.** Về con chung: Giao con chung Trần Như Ngọc, sinh ngày: 24/3/2008 cho bà Phạm Thị Ánh tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Ông Trần Văn N có quyền và nghĩa vụ tới lui, thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

**3.** Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Akhông yêu cầu nên không giải quyết.

**4.** Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

**5.** Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn Bà Phạm Ngọc Á phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0003283 ngày 05/5/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/7/2020, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Dương Văn Hâm**